

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2024/QĐ-TTg ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 06 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 27 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 258/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn thủ đô;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 16 tháng 09 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2024/QĐ-TTg ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2024/QĐ-TTg ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 7 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và khoản 2, Điều 8 Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách

đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn thủ đô.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Khách hàng có nhu cầu vốn để thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội của đất nước thuộc một trong các trường hợp sau:

Triển khai các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân thuộc các ngành, lĩnh vực: điện, than, dầu khí, xăng dầu, giao thông, vận tải công cộng và các lĩnh vực khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

Triển khai các chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

Đầu tư các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội và đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Về cấp tín dụng hợp vốn:

Đã đề xuất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc cấp tín dụng hợp vốn đối với các dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng; hoặc

Đã phát hành thư mời hợp vốn tới ít nhất 05 tổ chức tín dụng khác; đăng tải thư mời hợp vốn trên cổng thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng và cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Thời báo Ngân hàng (trừ trường hợp cấp tín dụng đối với các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng nhằm mục tiêu an ninh, quốc phòng và bị hạn chế chia sẻ thông tin theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền) trong thời gian ít nhất 30 ngày nhưng không có tổ chức tín dụng khác tham gia hợp vốn.”

c) Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

Tổng các khoản cấp tín dụng của một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp có thẩm quyền quyết định mức cấp tín dụng tối đa (bao gồm cả các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị) không được vượt quá 04 lần vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

d) Bổ sung điểm e khoản 2 như sau:

Mức cấp tín dụng tối đa đề nghị đối với một khách hàng không vượt quá 38%, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không vượt quá

52% vốn tự có của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để cho vay các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội và đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Hồ sơ tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức tín dụng, bao gồm:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Quyết định này;

b) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng đã đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định này;

c) Văn bản thẩm định của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, dự án, phương án vay vốn của khách hàng;

d) Văn bản phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng đề nghị;

đ) Văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng của khách hàng;

e) Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận thành lập hoặc Quyết định thành lập; báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có);

Tổ chức tín dụng cung cấp số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Phụ lục đính kèm Quyết định này. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thay thế thành phần hồ sơ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ dữ liệu doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức tín dụng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận thành lập hoặc Quyết định thành lập theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

g) Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng, bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, chấp thuận dự

án, phương án của cấp có thẩm quyền.

- Đối với khoản cấp tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn thì cung cấp tài liệu chứng minh thuộc điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 258/2025/QH15.

- Các tài liệu có liên quan khác.

h) Báo cáo về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn

1. Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khoản cấp tín dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024:

a) Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này bằng một trong các phương thức sau: trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp tại Bộ phận một cửa; qua dịch vụ bưu chính. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng:

Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.

Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan về các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - pháp lý của dự án, phương án và khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình về các vấn đề có liên quan (nếu có).

d) Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp

tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp:

Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.

Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lý, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

e) Căn cứ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành, địa phương, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

2. Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khoản cấp tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định mức cấp tín dụng tối đa theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn thủ đô:

a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này bằng một trong các phương thức sau: trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; trực tiếp tại Bộ phận một cửa; qua dịch vụ bưu chính. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

Trường hợp hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong đó ghi rõ các điều kiện mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được.

Trường hợp hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan về các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - pháp lý của dự án, phương án và khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, khách hàng giải trình về các vấn đề có liên quan (nếu có).

d) Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp:

Trường hợp hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong đó ghi rõ các điều kiện mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được.

Trường hợp hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã hợp lý, hợp lệ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định việc cấp tín dụng vượt giới hạn của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

5. Sửa đổi bổ sung Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ do tổ chức tín dụng cung cấp đối với đề nghị thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn, đảm bảo tuân thủ các điều kiện, thủ tục theo quy định tại Quyết định này”.

b) Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 6 Quyết định này;”

6. Thay thế cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 5, điểm a, d khoản 3 Điều 7 thành “Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”.

7. Thay thế cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” tại điểm b khoản 3 Điều 7 thành “Thủ tướng Chính phủ hoặc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”.

8. Thay thế Phụ lục đính kèm Quyết định số 09/2024/QĐ-TTg bằng Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc

Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

THỦ TƯỚNG

Phụ lục

Kèm theo Quyết định .../2024/QĐ-TTg ngày .../.../2024 của Thủ tướng Chính phủ

**TÊN TCTD, CHI NHÁNH NGÂN
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đối
với khách hàng, khách hàng và người có
liên quan

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 09/2024/QĐ-TTg ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tổ chức tín dụng);

Căn cứ Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2024/QĐ-TTg ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(Tên tổ chức tín dụng) báo cáo và kính đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với trường hợp sau đây:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN

1. Tên doanh nghiệp:
2. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:.....
5. Vốn điều lệ, thông tin về quan hệ sở hữu, điều hành, các cổ đông chính;
6. Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, xếp hạng tín nhiệm của TCTD đối với khách hàng, phân loại nợ.

II. THÔNG TIN VỀ KHOẢN TÍN DỤNG ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN

1. Báo cáo rõ giá trị, thời gian giải ngân, thời gian vay vốn, loại tiền và mục đích của khoản cấp tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn; văn bản phê duyệt cấp tín dụng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng.

2. Thông tin cơ bản về dự án, phương án sản xuất kinh doanh đề nghị được cấp tín dụng vượt giới hạn¹: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, hồ sơ pháp lý, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, các tổ chức tín dụng tham gia tài trợ và các thông tin liên quan khác.

- Trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị cấp hạn mức vốn lưu động: Tóm tắt kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ kế hoạch (Doanh thu, chi phí, lợi nhuận), xác định vòng quay vốn, xác định nhu cầu vốn lưu động bình quân, khả năng đáp ứng bằng vốn tự có, tổng nhu cầu vốn đề nghị cấp tín dụng tại hệ thống các tổ chức tín dụng (trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng), vốn khác.

- Trường hợp cấp tín dụng trung, dài hạn để thực hiện nhiều dự án nhỏ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm của doanh nghiệp: nêu rõ tổng số dự án doanh nghiệp thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt; tổng nhu cầu vốn tín dụng trung, dài hạn của doanh nghiệp tại hệ thống các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án, trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng, nhu cầu vốn của từng dự án.

3. Sự phù hợp với quy hoạch, tầm quan trọng, ý nghĩa của dự án, phương án sản xuất kinh doanh đối với sự phát triển kinh tế xã hội; ý nghĩa của khoản cấp tín dụng đối với kế hoạch, chiến lược kinh doanh, phát triển khách hàng của tổ chức tín dụng.

4. Tình hình thu xếp hợp vốn đối với khoản cấp tín dụng.

5. Ý kiến thẩm định của tổ chức tín dụng về năng lực hoạt động của khách hàng, tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, rủi ro có thể phát sinh, phương án phòng ngừa rủi ro, xử lý rủi ro và đánh giá về khả năng trả nợ của khách hàng.

III. TÌNH HÌNH QUAN HỆ TÍN DỤNG:

- Nêu rõ tình hình quan hệ tín dụng hiện tại và lịch sử vay trả nợ; tình hình quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác (nếu có).

- Điền và đính kèm mẫu biểu về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó tại Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

¹ Bao gồm cả các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện từ nguồn vốn phát hành trái phiếu

IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

- Tình hình vốn tự có tại thời điểm gần nhất.

- Tình hình thực hiện quy định hiện hành về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Luật các TCTD tại thời điểm gần nhất; đánh giá tác động của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đến các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn này.

- Tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (nếu có).

V. KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG:

1. Kiến nghị rõ loại hình cấp tín dụng vượt giới hạn mà tổ chức tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn.

2. Cam kết tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

(Tên tổ chức tín dụng) xin cam kết tự xem xét, quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng và thu hồi nợ vay; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong văn bản đề nghị, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc các quy định tại Quyết định số...../2026/QĐ-TTg ngày.....tháng.... năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Nơi gửi:

- Như trên;

-...